

Vai trò "dẫn đường" của bậc đạo sư

ISSN: 2734-9195

14:33 06/08/2026

Thành công của một bậc đạo sư không được đo bằng số lượng người quy ngưỡng hay mức độ ảnh hưởng của bản thân, mà bằng khả năng giúp người học ngày càng trưởng thành về trí tuệ, độc lập trong nhận thức và vững vàng trong đời sống tu tập.

Dẫn nhập

Trong lịch sử phát triển của nhân loại, hầu như mọi nền văn minh đều ghi nhận vai trò đặc biệt của người thầy. Tri thức được kế thừa nhờ người thầy; văn hóa được bảo tồn nhờ người thầy; đạo đức được vun bồi cũng nhờ người thầy. Đối với các truyền thống tôn giáo, vai trò ấy còn mang ý nghĩa sâu xa hơn, bởi người thầy không chỉ truyền dạy kiến thức mà còn hướng dẫn con người vượt qua những giới hạn của chính mình để tìm đến chân lý và giá trị tối hậu của đời sống.

Trong Phật giáo, vị trí ấy được thể hiện qua hình ảnh của **bậc đạo sư** - người khai mở con đường, hướng dẫn phương pháp tu tập và dìu dắt người học từng bước chuyển hóa thân tâm.

Ở nhiều tôn giáo khác, niềm tin vào người sáng lập hoặc giáo chủ thường được xem là điều kiện tiên quyết của đời sống tín ngưỡng, thì Phật giáo xây dựng một mô hình hoàn toàn khác. Đức Phật không đặt nền tảng của đạo Phật trên sự phục tùng đối với một cá nhân, mà trên sự chứng nghiệm Chính pháp. Điều đó khiến vai trò của đạo sư trong Phật giáo vừa vô cùng quan trọng, vừa được giới hạn bằng chính giáo pháp mà vị ấy truyền trao.

Sự giới hạn ấy không làm giảm giá trị của người thầy; trái lại, đó chính là nét độc đáo trong tư tưởng giáo dục của Phật giáo. Một bậc đạo sư càng chân chính bao nhiêu thì càng ý thức rằng mình không phải là mục tiêu cuối cùng của niềm tin. Giá trị của người thầy không nằm ở số lượng đệ tử hay sự tôn xưng mà mình nhận được, mà ở khả năng đưa người học đến gần Chính pháp hơn, giúp họ trưởng thành trong chính kiến và đủ năng lực tự bước đi trên con đường giải

thoát.

Chính vì vậy, không chỉ là khẳng định vị trí của người thầy trong truyền thống Phật giáo, **đạo sư là người dẫn đường đến với Chính pháp, chứ không phải là đối tượng thay thế Chính pháp**. Đây không chỉ là một nguyên tắc giáo dục, mà còn là cơ chế bảo vệ sự trong sáng của Phật giáo trước mọi khuynh hướng tuyệt đối hóa vai trò của cá nhân.

Giải thoát - nhu cầu tất yếu của bậc thiện tri thức

Nếu xem toàn bộ giáo pháp của đức Phật như một hành trình hướng đến giải thoát, thì điều đầu tiên cần nhận thấy là đây không phải con đường thuận theo bản năng của con người. Trái lại, đó là con đường đi ngược lại với những tập khí đã được tích lũy từ vô lượng đời. Trong khi bản năng luôn hướng con người đến việc tìm kiếm khoái lạc, bảo vệ bản ngã và bám víu vào những gì mình cho là "của tôi", thì giáo pháp của đức Phật lại chỉ ra con đường buông xả tham ái, đoạn trừ chấp ngã và phát triển trí tuệ. Chính vì tính chất "ngược dòng" ấy mà việc tu học chưa bao giờ là một hành trình dễ dàng.

Người mới bước vào đạo thường mang theo những kinh nghiệm, quan niệm và định kiến được hình thành từ môi trường gia đình, xã hội và văn hóa. Không ít người tiếp cận kinh điển bằng lăng kính của tư duy thế tục, hoặc diễn giải lời Phật theo cảm nhận chủ quan của mình. Có người chấp vào ngôn từ mà quên mất ý nghĩa, có người thiên về lý luận mà thiếu thực hành, lại có người chỉ chú trọng cảm xúc tín ngưỡng mà xem nhẹ nền tảng giáo lý. Những biểu hiện ấy cho thấy, nếu không có sự hướng dẫn của một bậc thiện tri thức, người học rất dễ rơi vào tình trạng hiểu sai hoặc thực hành lệch khỏi tinh thần của Chính pháp.

Thời đức Phật, vai trò của **Kalyāṇamitta** - thiện tri thức đã được đề cao. Trong nhiều bài kinh thuộc hệ Nikāya, thiện tri thức không chỉ là người đồng hành trên con đường tu tập mà còn là nhân tố quan trọng giúp hành giả nuôi dưỡng chính kiến và điều chỉnh nhận thức khi đối diện với những nghi hoặc. Thiện tri thức không thay thế sự tu tập của người học, nhưng giúp người học tránh được những sai lầm có thể làm chậm hoặc lệch hướng tiến trình chuyển hóa nội tâm.



Hình minh họa. Nguồn: Internet

Trong Phật giáo, thiện tri thức không được hiểu như một người nắm giữ chân lý độc quyền. Giá trị của vị ấy không đến từ quyền uy cá nhân mà đến từ khả năng phản chiếu Chính pháp.

Đức Phật - Vị Đạo sư tối thượng nhưng không bao giờ thay thế Chính pháp

Sự hiện diện của bậc đạo sư là một nhu cầu tất yếu trên con đường tu học. Nhưng một vấn đề khác cần được đặt ra là, **giới hạn của vai trò ấy nằm ở đâu?**

Người thầy có thể hướng dẫn, khai mở và truyền trao kinh nghiệm, nhưng liệu người thầy có trở thành trung tâm tuyệt đối của đời sống tâm linh hay không?

Câu trả lời không nằm ở những quan niệm chủ quan của hậu thế, mà đã được chính đức Phật xác lập ngay từ khi Ngài còn tại thế.

Đức Phật được tôn xưng là **Satthā Devamanussānam** - "Bậc Đạo sư của trời và người", nhưng Ngài chưa bao giờ xây dựng uy tín của mình trên quyền lực, sự mặc khải hay đòi hỏi sự phục tùng vô điều kiện. Trái lại, toàn bộ tiến trình giáo hóa của đức Phật đều hướng đến việc đánh thức khả năng tự nhận thức nơi mỗi con người. Ngài không xem đệ tử là những người phải phụ thuộc vào mình suốt đời, mà là những hành giả cần được trang bị đầy đủ trí tuệ để tự bước đi trên con đường giải thoát.

Tinh thần ấy được thể hiện nhất quán trong nhiều bài kinh thuộc hệ Nikāya. Khi khuyên người dân Kālāma, đức Phật đã chỉ dạy:

Này các thiện nam tín nữ Ka-la-ma, nhân đây Như Lai sẽ giảng giải về mười nền tảng của đức tin chân chính.

Một là, chớ vội tin một điều gì, chỉ vì điều đó là truyền thuyết.

Hai là, chớ vội tin một điều gì, chỉ vì điều đó thuộc về truyền thống.

Ba là, chớ vội tin một điều gì, chỉ vì điều đó được nhiều người nhắc đến hay tuyên truyền.

Bốn là, chớ vội tin một điều gì, chỉ vì điều đó được ghi lại trong kinh điển hay sách vở.

Năm là, chớ vội tin một điều gì, chỉ vì điều đó thuộc lý luận siêu hình.

Sáu là, chớ vội tin một điều gì, chỉ vì điều đó phù hợp với lập trường của mình.

Bảy là, chớ vội tin một điều gì, khi mà điều đó được căn cứ trên những dữ kiện hời hợt.

Tám là, chớ vội tin một điều gì, chỉ vì điều ấy phù hợp với định kiến của mình.

Chín là, chớ vội tin một điều gì, chỉ vì điều ấy được sức mạnh và quyền uy ủng hộ.

Mười là, chớ vội tin một điều gì, chỉ vì điều ấy được các nhà truyền giáo hay đạo sư của mình tuyên thuyết.

Này các thiện nam tín nữ, khi nghe một điều gì, các vị phải quán sát, suy tư và thể nghiệm, chỉ khi nào, sau khi kiểm nghiệm, quý vị thực sự nhận thấy: “Lời dạy này tốt lành, đạo đức, hướng thiện, chói sáng và được người trí tán thán. Nếu sống và thực hiện các lời dạy này sẽ đưa đến hạnh phúc, an lạc ngay hiện tại và về lâu, về dài” thì lúc ấy quý vị hãy đặt niềm tin bất động và thực hành theo.

(Tăng Chi Bộ Kinh, AN 3.65 - Kālāma Sutta).

Lời dạy này có ý nghĩa vượt ra ngoài phạm vi của một lời khuyên đạo đức. Đó là nguyên tắc nhận thức luận của Phật giáo. Chân lý không được xác lập bởi uy tín của người nói, mà được kiểm chứng bằng sự phù hợp với thực tại và khả năng chuyển hóa khổ đau.

Tư tưởng ấy tiếp tục được đức Phật khẳng định “Ở đây, này Bà-la-môn, Ta làm gì được? Như Lai chỉ là người chỉ đường” (Kinh Trung Bộ II, Kinh Ganaka Moggallana số 107, Thích Minh Châu dịch, NXB Tôn giáo Hà Nội, 2012, tr. 329).

Có lẽ không có câu kinh nào diễn tả đầy đủ hơn quan niệm của Phật giáo về vai trò của người thầy. Chỉ với vài từ ngắn gọn, đức Phật đã xác lập ranh giới giữa **sự hướng dẫn** và **sự thay thế**. Như Lai chỉ chỉ ra con đường, còn việc có bước đi hay không, đi nhanh hay chậm, đi đến cùng hay bỏ cuộc, hoàn toàn thuộc về trách nhiệm của mỗi người. Không ai có thể ban phát giác ngộ như một ân huệ; cũng không ai có thể gánh thay nghiệp lực hay chuyển hóa nội tâm thay cho người khác. Giải thoát, vì vậy, luôn là thành quả của sự tu tập tự thân.

Chính vì hiểu rõ bản chất ấy nên trước khi nhập Niết-bàn, đức Phật không chỉ định một cá nhân nào làm người kế vị để thay mình lãnh đạo Tăng đoàn theo nghĩa nắm giữ chân lý tối hậu. Trong *Kinh Đại Bát Niết-bàn* (Mahāparinibbāna Sutta, DN 16), khi Tôn giả A-nan và các đệ tử bày tỏ sự lo lắng về tương lai của giáo đoàn, đức Phật đã dạy rằng sau khi Như Lai diệt độ, **Pháp và Luật** mà Ngài đã tuyên thuyết sẽ là bậc Đạo sư của các Tỳ-kheo: "*Này Ananda, Pháp và Luật, Ta đã giảng dạy và trình bày, sau khi Ta diệt độ, chính Pháp và Luật ấy sẽ là Đạo sư của các người*". Lời di huấn ấy không chỉ giải quyết vấn đề tổ chức của Tăng đoàn, mà còn khẳng định một nguyên tắc có giá trị lâu dài, điều duy trì sự tồn tại của Phật giáo không phải là uy quyền của một cá nhân, mà là tính chân thật của Chính pháp và tính nghiêm minh của giới luật.

Đây là một điểm khác biệt căn bản giữa Phật giáo và nhiều mô hình tôn giáo hoặc triết học khác. Trong lịch sử, không ít truyền thống được duy trì chủ yếu nhờ uy tín của người sáng lập hoặc những người kế nhiệm. Nhưng trong Phật giáo, đức Phật chủ động chuyển trọng tâm từ **con người** sang **giáo pháp**. Điều đó không làm giảm vị trí của người thầy; trái lại, nó đặt người thầy vào đúng vị trí của mình: người gìn giữ và truyền trao Chính pháp, chứ không phải chủ nhân của Chính pháp.

Từ đây, có thể nhận ra một nghịch lý đáng suy ngẫm. Chính vì bậc đạo sư giữ vai trò vô cùng quan trọng nên người học rất dễ dành cho vị ấy lòng kính trọng sâu sắc. Tuy nhiên, nếu lòng kính trọng ấy không được soi sáng bởi trí tuệ, nó có thể âm thầm chuyển hóa thành sự tuyệt đối hóa cá nhân. Khi đó, người học không còn xem đạo sư là người dẫn đường đến với Chính pháp, mà bắt đầu đồng nhất đạo sư với chính Chính pháp. Ranh giới giữa **kính trọng** và **sùng bái**, giữa **tri ân** và **lệ thuộc**, giữa **niềm tin có chính kiến** và **niềm tin cảm tính** trở nên mong manh hơn bao giờ hết.

Chính từ điểm giao thoa ranh giới ấy, một khía cạnh khác được đặt ra là ***làm thế nào để người phật tử vừa giữ trọn lòng tôn kính đối với bậc đạo sư, vừa không đánh mất nguyên tắc lấy Chính pháp làm tiêu chuẩn tối hậu?***

Giá trị lớn nhất của bậc đạo sư là đưa người học trở về với Chính pháp, chứ không phải là giữ họ ở lại với chính mình

"Nur Lai chỉ là người chỉ đường" và "Pháp cùng Luật sẽ là Đạo sư của các ông sau khi Ta diệt độ", thì điều đó cũng đồng thời khẳng định một nguyên tắc có giá trị cho mọi thế hệ truyền thừa về sau. Mọi bậc đạo sư trong Phật giáo, dù có uy tín, ảnh hưởng hay công hạnh đến đâu, đều không đứng ngoài nguyên tắc ấy.

Giá trị của người thầy không được đo bằng mức độ người khác hướng về mình, mà bằng khả năng đưa người học ngày càng hướng về Chính pháp.

Mục đích tối hậu của đạo Phật không phải là tạo nên một cộng đồng những người biết tôn kính một cá nhân, mà là hình thành một cộng đồng những người có khả năng tự mình sống bằng chính kiến, chính tư duy và chính hạnh. Toàn bộ tiến trình tu học, từ nghe pháp (*pariyatti*), thực hành (*paṭipatti*) đến chứng ngộ (*paṭivedha*), đều hướng đến việc chuyển hóa nội tâm của chính người học. Trong tiến trình ấy, bậc đạo sư giữ vai trò khơi mở, hướng dẫn và sách tấn, nhưng không thể thay thế sự tỉnh thức của người đệ tử. Một vị thầy có thể giảng giải Tứ diệu đế, Bát chính đạo hay Duyên khởi bằng tất cả trí tuệ và kinh nghiệm của mình, nhưng nếu người nghe không tự mình quán chiếu và thực hành, thì giáo pháp vẫn chỉ dừng lại ở tri thức vay mượn.

Nhìn từ góc độ đó, có thể nói rằng thành công lớn nhất của một bậc đạo sư không phải là làm cho đệ tử luôn cần đến mình, mà là giúp họ từng bước không còn lệ thuộc vào mình.

Từ góc nhìn ấy, có thể hiểu sâu hơn ý nghĩa của khái niệm **thiện tri thức** (*kalyāṇamitta*). Thiện tri thức không phải là người khiến người khác khâm phục mình, mà là người giúp người khác trưởng thành. Nói cách khác, một bậc đạo sư chân chính không làm cho đệ tử trở thành "bản sao" của mình, mà giúp họ trở thành những hành giả sống đúng với giáo pháp của đức Phật.

Ở đây, **cần phân biệt rõ giữa lòng tôn kính và sự lệ thuộc**. Nếu sự tôn kính khiến người học không còn khả năng đối chiếu lời dạy với kinh điển, không còn dám đặt câu hỏi trước những điều chưa hiểu, hoặc xem mọi phát biểu của người thầy đều là chân lý tuyệt đối, thì lòng tôn kính ấy đã vượt khỏi giới hạn của chính tín để chuyển sang một hình thức lệ thuộc về nhận thức.

Điều đáng chú ý là sự chuyển dịch ấy thường không diễn ra đột ngột. Nó bắt đầu từ sự cảm phục đối với đạo hạnh của người thầy, tiếp đến là niềm tin sâu sắc vào những lời chỉ dạy, rồi dần dần hình thành tâm lý xem người thầy là tiêu chuẩn để đánh giá mọi vấn đề. Khi quá trình ấy không được điều chỉnh bằng việc học hỏi kinh điển và nuôi dưỡng chính kiến, người học rất dễ đồng nhất lời của thầy với lời Phật, ý kiến của thầy với Chính pháp, thậm chí xem việc bảo vệ uy tín của thầy quan trọng hơn việc bảo vệ sự trong sáng của giáo pháp. Đó chính là ranh giới mong manh giữa **sự kính trọng chính đáng** và **sự tuyệt đối hóa cá nhân**.

Lịch sử Phật giáo cho thấy, các bậc cao tăng được hậu thế tôn kính không phải vì các ngài yêu cầu người khác tôn thờ mình, mà vì đời sống phạm hạnh, trí tuệ và từ bi của các ngài tự nhiên khơi dậy lòng kính ngưỡng. Các ngài càng được tôn kính thì càng khiêm cung; càng có ảnh hưởng thì càng nhấn mạnh vai trò của Tam bảo; càng được nhiều người quy ngưỡng thì càng khuyến khích người học trở về với kinh điển và sự thực hành. Chính sự khiêm cung ấy là dấu hiệu của một bậc đạo sư chân chính. Bởi lẽ, người thật sự thấy được giá trị của Chính pháp sẽ không bao giờ đặt bản thân mình cao hơn Chính pháp.

Giữa người thầy và Chính pháp không phải là mối quan hệ cạnh tranh, mà là mối quan hệ quy hướng. Người thầy tồn tại để làm sáng tỏ Chính pháp; Chính pháp không tồn tại để tôn vinh người thầy. Khi trật tự ấy được giữ gìn, đời sống Phật giáo sẽ phát triển trên nền tảng của trí tuệ và chính tín. Ngược lại, nếu trật tự ấy bị đảo ngược, khi giáo pháp dần bị che khuất bởi hào quang của cá nhân, thì những biểu hiện lệch chuẩn trong đời sống tín ngưỡng rất dễ xuất hiện.

Giữa lòng tôn kính và sự thánh hóa

Nếu vai trò đích thực của bậc đạo sư là đưa người học trở về với Chính pháp, thì một câu hỏi cần tiếp tục được đặt ra là: vì sao trong thực tiễn đời sống tôn giáo, không ít trường hợp người học lại dần hướng niềm tin của mình vào chính cá nhân người thầy? Câu hỏi này không chỉ liên quan đến Phật giáo mà còn là một chủ đề được nhiều nhà nghiên cứu xã hội học tôn giáo quan tâm.

Lịch sử các tôn giáo lớn trên thế giới cho thấy, mỗi khi uy tín của một cá nhân vượt lên trên chuẩn mực của giáo pháp hoặc giáo lý, nguy cơ hình thành tâm lý sùng bái cá nhân luôn hiện hữu.

“Y pháp bất y nhân” - nguyên tắc vàng trong bảo vệ Chính pháp

Bằng nguyên tắc nào người học Phật có thể vừa giữ trọn lòng tri ân đối với người thầy, vừa không rơi vào sự lệ thuộc về nhận thức? Câu trả lời đã được truyền thống Phật giáo đúc kết từ rất sớm qua nguyên tắc nổi tiếng: **“y pháp bất y nhân”**.

Trong hệ thống **Tứ y** của Phật giáo Đại thừa, “y pháp bất y nhân” được đặt ở vị trí đầu tiên, bên cạnh các nguyên tắc: *y nghĩa bất y ngữ*, *y trí bất y thức*, *y liễu nghĩa kinh bất y bất liễu nghĩa kinh*. Tuy được diễn đạt rõ trong kinh điển Đại thừa, tinh thần ấy thực chất đã xuất hiện từ rất sớm trong các kinh Nikāya và A-hàm, đặc biệt qua lời dạy của đức Phật về việc lấy **Pháp và Luật** làm Đạo sư sau khi Ngài nhập Niết-bàn.

Điều đáng chú ý là nguyên tắc “y pháp bất y nhân” không nhằm hạ thấp vai trò của người thầy. Trái lại, nó khẳng định đúng vị trí của đạo sư trong cấu trúc giáo dục Phật giáo. Người thầy là người truyền trao Chính pháp, nhưng không thay thế Chính pháp; là người hướng dẫn, nhưng không trở thành tiêu chuẩn tối hậu của chân lý. Giá trị của đạo sư được khẳng định chính ở khả năng làm cho giáo pháp hiện hữu sinh động trong đời sống, chứ không phải ở việc xây dựng uy tín cá nhân tách rời khỏi giáo pháp.

Khi Chính pháp được đặt ở vị trí trung tâm, người học tránh được nguy cơ lệ thuộc vào cá nhân; đồng thời người thầy cũng tránh được áp lực phải trở thành hình mẫu tuyệt đối hoặc đối tượng của sự thần thánh hóa. Cả hai cùng gặp nhau trên nền tảng chung là giáo pháp của đức Phật.

Nguyên tắc ấy còn mang ý nghĩa đặc biệt trong bối cảnh xã hội hiện đại. Sự phát triển của truyền thông giúp hình ảnh các vị giảng sư lan tỏa mạnh mẽ, nhưng cũng làm gia tăng nguy cơ đồng nhất ảnh hưởng cá nhân với giá trị của Chính pháp. Người học có thể dễ dàng tiếp cận hàng nghìn bài giảng, nhưng nếu thiếu nền tảng học Phật căn bản, họ cũng dễ tiếp nhận giáo pháp qua lăng kính của cảm xúc và sự ngưỡng mộ. Vì vậy, “y pháp bất y nhân” không chỉ là lời nhắc nhở dành cho cá nhân người học, mà còn là nguyên tắc cần được gìn giữ trong toàn bộ đời sống Phật giáo đương đại.

Nhìn lại lịch sử, chính nhờ nguyên tắc này mà Phật giáo có thể duy trì sức sống qua nhiều thời đại, nhiều quốc gia và nhiều truyền thống khác nhau. Sự cân bằng giữa **kính thầy** và **trọng pháp**, giữa **niềm tin** và **chính kiến**, giữa **sự hướng dẫn** và **tinh thần tự giác**, đã tạo nên nét đặc sắc của giáo dục Phật giáo và góp phần gìn giữ sự trong sáng của đạo Phật qua hơn hai mươi lăm thế kỷ lịch sử.

Trong bối cảnh xã hội đương đại, khi công nghệ truyền thông và mạng xã hội làm thay đổi phương thức tiếp cận tôn giáo, việc nhận thức đúng vai trò của bậc đạo sư càng trở nên cấp thiết. Những phương tiện hiện đại có thể giúp giáo pháp lan tỏa rộng rãi hơn, nhưng cũng có thể làm gia tăng xu hướng tập trung sự chú ý vào hình ảnh cá nhân hơn là nội dung giáo pháp. Điều đó đòi hỏi cả người hoằng pháp lẫn người học Phật phải không ngừng nuôi dưỡng chính kiến, lấy Kinh, Luật và Luận làm nền tảng để đối chiếu mọi nhận thức và thực hành, đồng thời gìn giữ nguyên tắc **"y pháp bất y nhân"** như một chuẩn mực phương pháp luận trong đời sống Phật giáo.

Tác giả: **Ngộ Minh Chương**